

Số: 99/2021/DS-PT  
Ngày: 25/3/2021  
“V/v Tranh chấp dân sự về hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Bích Thủy
- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Vĩnh - Ông Đinh Chí Tâm
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 320/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp dân sự về hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện T có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tôn Thị C (Tôn Thị Kim C), sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tôn Thị C là Luật sư Vũ Tuấn A, Công ty Luật Hợp danh Sao Mai, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Võ Thị X, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị X là Luật sư Võ Phát T1, Văn Phòng Luật sư Đức Trí thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

*(Có mặt bà Võ Thị X, luật sư Võ Phát T1, luật sư Vũ Tuấn A; vắng mặt bà Tôn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Võ Thị X là bị đơn trong vụ án kháng cáo, không đồng ý bản án sơ thẩm đã tuyên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tôn Thị C trình bày:***

Bà X có tham gia các dây hụi do bà C làm chủ hụi, hiện còn 02 dây hụi bà X chưa thực hiện nghĩa vụ đóng hụi, cụ thể như sau:

+ Dây hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 thành viên, là hụi tháng mở vào ngày 08/3/2016A1, bà X tham gia 02 phần đã hốt lần thứ 9 và lần thứ 11, đã thực hiện việc giao nhận tiền xong, có biên nhận. Sau khi hốt hụi thì bà X đã đóng lại các phần hụi chết, đến ngày 08/7/2017A1 thì không đóng tiếp, bà phải đóng thay phần hụi chết của bà X cho đến khi mãn hụi là 03 lần của 02 phần hụi, với số tiền là 30.000.000đồng.

+ Dây hụi 10.000.000 đồng gồm 15 thành viên, là hụi tháng mở vào ngày 16/02/2017A1, bà X tham gia 01 phần và đã hốt lần thứ 2 của dây hụi, việc hốt hụi của bà X đã giao nhận tiền xong, có biên nhận. Sau đó bà X đã đóng hụi chết cho đến ngày 12/7/2017A1 thì không đóng nữa, bà phải đóng hụi chết thay cho bà X đến khi mãn hụi là 08 lần, số tiền là 80.000.000đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi bà X nợ bà là 110.000.000 đồng. Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền hụi còn nợ 110.000.000 đồng.

***- Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị X trình bày:***

Bà X có tham gia nhiều dây hụi do bà C làm chủ hụi. Đối với 02 dây hụi mà bà C khởi kiện thì:

+ Dây hụi 5.000.000 đồng, là hụi tháng, gồm 21 thành viên, bà tham gia 02 phần đã hốt vào lần thứ 9 và lần thứ 11, nhận tiền hụi xong, cụ thể:

Bà hốt hụi lần thứ 9, nhận tiền ngày 08/11/2016A1, đã đóng hụi chết được 09 lần, còn lại 03 lần chưa đóng cho đến khi mãn hụi, sau đó bà trả cho bà C xong.

Hốt hụi lần thứ 11, nhận tiền ngày 08/01/2017A1, đã đóng hụi chết được 07 lần, còn lại 03 lần chưa đóng cho đến khi mãn hụi, sau đó bà đã trả cho bà C xong.

+ Dây hụi 10.000.000 đồng, là hụi tháng gồm 15 thành viên, bà tham gia 01 phần đã hốt lần thứ 02, nhận tiền ngày 16/3/2017A1, đóng hụi chết được 05 lần, còn 08 lần thì không đóng tiếp cho đến khi mãn hụi, sau đó thì bà C đòi nên bà đã trả nợ xong.

Nay yêu cầu của nguyên đơn, bà không đồng ý vì đã trả nợ hụi xong.

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên án như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị X có trách nhiệm trả 110.000.000 đồng tiền nợ hụi cho bà Tôn Thị C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Võ Thị X là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà C.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà X có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Tôn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Võ Thị X vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Vũ Tuấn A phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà C đã chứng minh việc bà X còn nợ tiền hụi, bà X trình bày là đã trả nợ xong nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị X.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị X là Luật sư Võ Phát T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, vì bà X đã trả xong tiền hụi cho bà C, do bà C và bà X là chỗ quen biết chơi hụi qua lại với nhau nhiều năm nên khi bà X đóng hụi cho bà C thì không có làm biên nhận và cũng không ai chứng kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định pháp luật; Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Lời phát biểu của Luật sư, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét việc kháng cáo của bà Võ Thị X là bị đơn trong vụ án là nằm trong thời hạn kháng cáo, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Võ Thị X Hội đồng xét xử xét thấy: Bà X thừa nhận có tham gia chơi hụi bà C là chủ hụi, khi bà X hốt hụi bà C đã giao tiền đầy đủ cho bà X theo các biên nhận giao hụi ngày 08/11/2016A1, 08/01/2017A1 và 16/03/2017A1, các biên nhận này bà X đều thừa nhận là chữ ký của bà X và cho rằng các phần hụi chết còn lại của các dây hụi trên bà X đã đóng hụi chết lại cho bà C xong không còn nợ, nhưng bà X không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu bà X cung cấp chứng cứ để chứng minh cho việc bà X đã đóng hụi chết đầy đủ đối với các dây hụi hiện đang tranh chấp cho bà C, nhưng bà X không cung cấp được đây là vấn đề buộc bà X phải chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa phúc thẩm bà X cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh là bà X đã đóng hụi xong các phần hụi chết hiện bà C đang khởi kiện.

Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T bà X thừa nhận có tham gia các phần hụi và sau khi hốt hụi còn nợ số tiền như bà C trình bày, nhưng sau đó đã đóng hụi cho bà C xong. Tại phiên tòa phúc thẩm bà X cho rằng chữ ký trong biên bản hòa giải ngày 04/3/2020 không phải của bà X và bà X không có ký tên, đồng thời bà X có một bản photo biên bản hòa giải không có chữ ký của các đương sự và bà X yêu cầu giám định chữ ký trong biên bản hòa giải ngày 04/3/2020. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định theo yêu cầu của bà X. Căn cứ vào kết luận số 1179/KL-KTHS ngày 24/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp “chữ ký và chữ viết của Võ Thị X trên các tài liệu mẫu ký hiệu giám định do cùng một người ký, viết ra” phần nội dung trình bày của bà X trong biên bản hòa giải này bà X thừa nhận các phần hụi tham gia đã hốt và còn hụi chết chưa đóng là phù hợp với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, bà X cho rằng các phần hụi chết như đã trình bày trong biên bản bà X đã đóng đủ cho bà C xong, tuy nhiên bà C không thừa nhận, bà X cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Bà C khởi kiện đã cung cấp được tài liệu chứng cứ là các biên nhận giao hụi có chữ ký của bà X nên yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ. Ngoài ra bà X

cũng yêu cầu giám định ngày tháng trong bản tự khai của bà đề ngày 24/2/2020, qua kết quả giám định thì ngày tháng ghi trong bản tự khai này không phải do bà X viết nhưng phần chữ viết và nội dung trong bản tự khai này bà X thừa nhận là do bà X viết và ký tên. Xét việc trình bày này của bà X Hội đồng xét xử xét thấy bản tự khai là do bà X tự nộp có biên bản giao nhận tài liệu chứng cứ tại Tòa án nhân dân huyện T ghi “bản tự khai của bà X ngày 24/2/2020 (bản chính) và người nộp là bà X”. Như vậy việc ghi ngày vào bản tự khai là nghĩa vụ chứng minh của bà X thuộc trường hợp người nhận không phải chứng minh.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm bà X trình bày bà X có nợ hụi như bà C trình bày là đúng, lý do bà X nợ là do bà X bị bệnh, nhưng sau khi hết bệnh về bà X trở lại buôn bán và đã đóng hụi xong cho bà C, do chỗ quen biết nhiều năm nên không có làm giấy tờ hay ai chứng kiến việc trả nợ của bà X cho bà C. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà X nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh nên không được chấp nhận. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C trình bày và đã đưa ra được các chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

Từ những phân tích trên xét yêu cầu kháng cáo của bà X là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị X.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân thủ theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; Về nội dung vụ án đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Võ Thị X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật và chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 7.020.000đ theo phiếu thu ngày 07/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị X.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Thị C (Tôn Thị Kim C).

[2]. Buộc bà Võ Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Tôn Thị C số tiền nợ của đây hội 5.000.000 đồng, mở vào ngày 08/3/2016A1 và đây hội 10.000.000 đồng mở vào ngày 16/02/2017A1 tổng cộng là 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị X phải nộp 5.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tôn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà C 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số xxxx ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số xxxx ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[5]. Về chi phí giám định: Bà Võ Thị X phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 7.020.000đ theo phiếu thu ngày 07/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, số tiền này bà X đã nộp và đã chi xong.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSV, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Trương Thị Bích Thủy**